

BẢNG DANH MỤC TBKTCĐ ĐỀ NGHỊ THANH LÝ NĂM 2018
(Thống kê theo đơn vị sử dụng)

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
	A. Máy móc thiết bị										
	I. Khoa Công nghệ thông tin										
1	Cài đặt máy chủ	Máy	2005	1	0%	2.688.400	-			X	Phần mềm cũ không còn giảng dạy
2	Cài đặt máy con	Máy	2005	40	0%	17.292.000	-			X	
3	Loa + ampli	Bộ	2003	1	0%	1.150.000	-		X		
4	Loa + ampli + micro	Bộ	2003	1	0%	1.150.000	-		X		Hư IC, Hư tụ
5	Loa + ampli + micro (Gồm: 1 ampli + 2 loa + 1 micro/ bộ)	Bộ	2006	2	0%	2.300.000	-		X		
6	Loa + ampli + micro (Gồm: 1 ampli + 6 loa + 1 micro/ Bộ)	Bộ	2006	2	0%	4.400.000	-		X		
7	Micrô không dây sennheiser	Cái	2013	5	5%	2.450.000	122.500			X	Hủ to, bị nhiễu
8	Ổ DVD combo Asus Sata	Cái	2009	7	2%	3.640.000	72.800		X		Hư mắt đọc quang
9	Ổ ghi DVD Rewrite Asus Sata	Cái	2011	2	4%	2.200.000	88.000		X		
10	Switch 24 port Repotec	Cái	2008	2	0%	8.820.708	-		X		Hư nguồn
11	Balun chuyển đổi từ dây cáp mạng, điện thoại qua BNC	Cái	2015	1	5%	400.000	20.000			X	Hư dây cáp
12	Đèn sạc 2 bóng	Cái	2007	2	0%	700.000	-		X		Hư pin sạc

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
13	Đồng hồ đo vạn năng kim	Cái	2005	5	0%	2.000.000	-		x		Hư bo mạch, số không hiện thị lên màn hình đồng hồ
14	Đồng hồ Tenst cable	Cái	2009	8	2%	960.000	19.200		x		
15	Hộp đồ nghề thực hành	Cái	2009	3	2%	4.500.000	90.000		x		Các dụng cụ bên trong không còn sử dụng do bị gãy, toe đầu vặn
16	Kèm bấm cáp đa chức năng RJ45, RJ11, RJ9 (China)	Cái	2012	4	4%	800.000	32.000		x		Hư hỏng không sử dụng được
17	Kèm bấm cáp RJ 45/12/11	Cái	2009	10	2%	2.700.000	54.000		x		
18	Kèm nhấn cáp AMP	Cái	2010	5	3%	9.750.000	292.500		x		
19	Kèm cắt 7" Asaki	Cái	2011	3	4%	855.000	34.200		x		
20	Kèm nhọn 6" cách điện Asaki	Cái	2011	5	4%	1.250.000	50.000		x		
21	Kìm bấm RJ45/RJ11	Cái	2009	2	2%	240.000	4.800		x		Hư nguồn không sửa được
22	Máy hút bụi mini	Cái	2009	1	0%	3.250.000	-		x		
23	Máy nước uống nóng lạnh Alaska model YLR-61	Cái	2007	1	0%	2.850.000	-		x		Hư Block
24	Modem ADSL VIGOR	Cái	2005	1	0%	1.995.000	-		x		Hư nguồn
25	Ổ cắm + dây 5m	Bộ	2005	2	0%	190.000	-		x		Hư hỏng không sử dụng được
26	Ổ cắm hình chữ nhật 6 chân cắm	Cái	2009	10	0%	1.100.000	-		x		
27	Ổ ghi DVD RW	Ổ	2006	1	0%	1.043.250	-		x		Hư mắt đọc quang
28	Ổ USB 2G	Cái	2008	1	0%	380.000	-		x		Không nhận USB
29	Scanner GENIUS HR8	Cái	2005	1	0%	2.415.000	-		x		Hư nguồn
30	Switch Lay CS2 8308	Cái	2007	1	0%	18.515.000	-		x		
31	Switch Lay CS3 Websmort	Cái	2007	1	0%	10.465.000	-		x		
32	Tuốc nơ vít pake	Cây	2009	5	2%	300.000	6.000		x		Hư hỏng không sử dụng được

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
33	USB 4G	Cái	2009	10	0%	3.500.000	-		X		Không nhận USB
34	USB 4GB	Cái	2011	2	0%	500.000	-		X		
35	Vít pake 4 cạnh	Cái	2009	10	2%	850.000	17.000		X		
36	Vít pake	Cây	2010	5	3%	450.000	13.500		X		Hư hỏng không sử dụng được
37	Wireless G broadband router with Linux support	Cái	2009	1	2%	1.435.043	28.701		X		Hư nguồn
38	HDD WD-500Gb	Ổ	2015	1	4%	1.760.000	70.400		X		Hư đầu đọc
39	Máy thổi bụi máy tính Evlen	Cái	2015	1	3%	870.000	26.100		X		Hư nguồn
40	Micro có dây 5m	Cái	2015	5	4%	9.750.000	390.000			X	Hư to, bị nhiễu
41	Micro thu tiếng, nguồn cung cấp 12V, vùng hoạt động 5m2 -10m2	Cái	2015	1	3%	600.000	18.000			X	
42	Ổ cứng USB 160 GB	Cái	2009	3	2%	6.300.000	126.000		X		Hư đầu đọc
43	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera Analog	Cái	2015	1	3%	770.000	23.100		X		Hư nguồn
44	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera IP-POE	Cái	2015	1	2%	750.000	15.000		X		
	Cộng I					140.284.401	1.613.801				
	II. Khoa Công nghệ Cơ khí										
	Xưởng tiện 1										
1	Áo col 2 - 4 (ĐL)	Cái	2006	3	0%	150.000	-		X		Hư hỏng do sử dụng lâu ngày
2	Áo col 3 - 4 (ĐL)	Cái	2006	5	0%	390.000	-		X		
3	Áo côn 2 - 3	Cái	2010	5	0%	1.500.000	-		X		
4	Áo côn 4 - 5	Cái	2010	3	0%	1.650.000	-		X		
5	Bầu khoan Ø13 (TQ)	Cái	2003	2	0%	300.000	-		X		
6	Bộ đế từ đồng hồ so (Nhật)	Bộ	2008	1	0%	3.200.000	-		X		
7	Mâm cặp 3 chấu tự định tâm	Cái	2006	3	0%	22.500.000	-		X		
8	Mâm cặp 3 chấu tự định tâm SC-9 (ĐL)	Bộ	2006	1	0%	7.500.000	-		X		

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
9	Mâm cặp 3 chấu tự định tâm SC-9 (Taiwan)	Cái	2007	1	0%	7.500.000	-		X		Hư hỏng do sử dụng lâu ngày
10	Mâm cặp 3 chấu tự định tâm SC-9 (Taiwan)	Cái	2007	4	0%	30.000.000	-		X		
11	Mỏ lệch 8"	Cây	2006	1	0%	45.000	-		X		
12	Mũi tâm quay - côn số 4	Cái	2010	6	0%	3.000.000	-		X		
13	Mũi tâm quay (Sống)	Cái	2004	2	0%	840.000	-		X		
14	Mũi tâm quay Côn morse 4	Cái	2011	3	0%	13.500.000	-		X		
15	Panme 0-25 (ĐL)	Cái	2006	6	0%	570.000	-		X		Mất chính xác
16	Panme 25-50 (ĐL)	Cái	2006	8	0%	1.000.000	-		X		Mất chính xác
	Xưởng tiện 2				0%		-				
17	Thuốc cặp 150 (TQ)	Cái	2011	10	0%	3.200.000	-		X		Hư hỏng do sử dụng lâu ngày
	Văn phòng Khoa				0%		-				
18	Panme 50-75 (Japan)	Cái	2008	4	0%	6.400.000	-		X		Mất chính xác, gãy mòn
19	Thuốc cặp hiện số (N) 0-150	Cây	2003	2	0%	3.300.000	-		X		Hư hỏng do sử dụng lâu ngày
20	Thuốc cặp Digital 0-150 (Nhật)	Cái	2005	4	0%	9.000.000	-		X		Mất chính xác, gãy mòn
21	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	2012	2	0%	2.700.000	-			X	Hư hỏng do sử dụng lâu ngày
22	Ổ ghi DVD cổng USB	Cái	2009	1	0%	2.100.000	-		X		Hư hỏng do sử dụng lâu ngày
	Xưởng hàn				0%		-				
23	Khung cửa tay	Cây	2003	10	0%	320.000	-		X		Hư hỏng do sử dụng lâu ngày
24	Kìm hàn 500A	Cái	2011	17	0%	1.445.000	-		X		
25	Đồng hồ gió đá	Bộ	2002	1	0%	1.200.000	-		X		
	Xưởng nguội				0%		-				
26	Thuốc cặp 0-150 (TQ)	Cái	2011	10	0%	3.750.000	-		X		Mất chính xác

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
27	Khung cửa tay	Cái	2011	10	0%	650.000	-		X		Hư hỏng do sử dụng lâu ngày
	Cộng II					127.710.000	-				
	III. Phòng Quản trị - Dịch vụ						-				
1	USB 8G	Cái	2014	3	0%	1.500.000	-			X	
2	Màn hình CRT Samsung 17"	Cái	2011	8	0%	12.000.000	-		X		
3	Bộ lưu điện >2000AV	Bộ	2008	1	0%	2.650.000	-		X		
4	Ổ ghi DVD	Cái	2008	1	0%	2.250.000	-		X		
5	Wireless G Access point	Cái	2009	1	0%	1.359.515	-		X		
6	Switch Dlink 8 port	Cái	2009	1	0%	377.643	-		X		
7	Đồng hồ VOM hiện số	Cái	2003	2	0%	1.700.000	-		X		
8	Màn hình LCD 19"	Cái	2008	1	0%	4.300.000	-		X		
9	Màn hình LCD	Cái	2009	1	0%	3.800.000	-		X		
10	Màn hình LCD	Cái	2009	1	0%	2.650.000	-		X		
11	Màn hình LCD 17" DELL	Cái	2011	4	0%	11.800.000	-		X		
12	Màn hình LCD DELL 17"	Cái	2011	5	0%	14.000.000	-		X		
13	Ổ ghi DVD Pioneer USB 2.0	Cái	2011	2	0%	4.800.000	-		X		
14	Flash dish 256MB (USB)	Cái	2004	1	0%	850.000	-		X		
15	Đầu DVD SONY	Cái	2007	1	0%	1.630.000	-		X		
16	Thước dây sắt 10m (Nhật)	Cái	2014	1	0%	430.000	-		X		
17	Máy hủy giấy ZIBA - HC38	Cái	2007	1	0%	3.750.000	-		X		
18	Ổn áp LIOA	Cái		1	0%		-		X		
19	Bộ âm thanh phòng học	Cái	2010	1	0%	1.450.000	-		X		
20	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	2012	1	0%	1.350.000	-		X		

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
21	Bộ âm thanh phòng học ampli nằm trong loa 1 micro có dây 5m	Bộ	2008	12	0%	25.200.000	-		X		Hư hỏng không sửa chữa được
22	Bộ âm thanh phòng học	Cái	2010	1	0%	1.450.000	-		X		
23	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	2012	1	0%	1.350.000	-		X		
24	Bộ âm thanh VN (ampli + 2 loa + micro + dây)	Bộ	2007	1	0%	1.500.000	-		X		
25	Đầu đĩa DVD	Cái	2009	1	0%	1.500.000	-		X		
26	Kèm cắt thủy lực	Cái	2009	3	0%	2.550.000	-		X		
27	Máy hút bụi Electrolux Z1750 (China)	Cái	2012	1	0%	2.700.000	-		X		
28	Máy khoan Bosch GSR9.6-2 dùng pin (Malaysia)	Cái	2012	1	0%	2.650.000	-		X		
29	Máy khoan Makita (Japan)	Cái	2008	1	0%	2.850.000	-		X		
30	Máy khoan NAKTEE	Cái	2007	1	0%	550.000	-		X		
31	Máy mài cầm tay 100mm	Cái	2008	1	0%	1.650.000	-		X		
32	Máy mài cầm tay 100WS 125	Cái	2011	1	0%	4.600.000	-		X		
33	Máy nước uống nóng lạnh Alaska	Cái	2010	1	0%	2.850.000	-		X		
34	Mỏ hàn nhựa dẻo	Cái	2011	2	0%	300.000	-		X		
35	Mỏ lệch răng	Cây	2007	1	0%	75.000	-		X		
36	Ổ cắm quay	Cái	2010	4	0%	720.000	-		X		
37	Ổn áp LIOA 2 cực -VA	Cái		1	0%	1.450.000	-		X		
38	Súng bắn đinh 425T	Cái	2009	1	0%	3.500.000	-		X		
39	Thang nhôm rút 3,8m	Cái	2010	1	0%	4.200.000	-		X		
40	Tuocnovit đẹp	Cây	2005	10	0%	350.000	-		X		
	Cộng III					134.642.158	-				
	IV. Phòng Kế hoạch - Tài chính										
1	Máy soi tiền giả STAR	Cái	2008	1	0%	750.000	-		X		

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
2	Ôn áp Lioa	Cái	2000	2	0%	1.140.000	-		x		Hư hỏng không sửa chữa được
3	Ổ cứng di động 1TB	Cái	2014	1	0%	1.940.000	-		x		
	Cộng IV					3.830.000	-				
	V. Phòng Thiết bị - Vật tư						-				
1	Dây chuông + loa	m	1999	75	0%	150.000	-			x	Đứt, mục
2	Loa pin cầm tay	Cái	2008	1	0%	250.000	-			x	hư hỏng
3	Loa Piner 30W	Cái	2002	2	0%	490.000	-			x	hư hỏng
4	Bản đồ khí hậu	Tờ	2006	2	0%	26.000	-			x	Rách
5	Bộ cột đa năng	Bộ	2006	1	0%	495.000	-		x		Gãy
6	Bộ cột đa năng	Bộ	2007	1	0%	420.000	-		x		Gãy
7	Bộ DC tạo mặt tròn xoay L12	Bộ	2008	2	0%	620.000	-			x	hư hỏng
8	Bộ mô hình Toán L12	Bộ	2008	2	0%	1.100.000	-			x	hư hỏng
9	Compa L5 + L10	Cái	2006	2	0%	26.000	-			x	hư hỏng
10	Đĩa hình huấn luyện	Cái	2007	5	0%	100.000	-			x	hư hỏng
11	Đồng hồ bấm giây	Cái	2007	1	0%	95.000	-			x	hư hỏng
12	Dụng cụ băng bó cứu thương	Bộ	2011	2	0%	780.000	-			x	hư hỏng
13	Giá đặt súng	Cái	2011	2	0%	360.000	-			x	Gãy
14	Kính kiểm tra ngắm	Cái	2011	2	0%	37.800	-			x	Bể
15	Lưới cầu đá	Cái	2006	2	0%	72.000	-			x	Rách
16	Lưới cầu đá	Cái	2007	1	0%	31.000	-			x	Rách
17	Lưới cầu lông	Cái	2006	2	0%	64.000	-			x	Rách
18	Lưới cầu lông	Cái	2007	1	0%	27.000	-			x	Rách
19	Lựu đạn tập Đ1 gang	Quả	2007	2	0%	28.200	-			x	Bể
20	Máy cassette Philip AZ 2536 (VCD,CD,TAPE)	Cái	2006	1	0%	2.249.480	-		x		hư hỏng
21	Máy catssette Sony CFD-SO7CP	Cái	2012	3	0%	6.450.000	-		x		hư hỏng

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
22	Hệ thống âm thanh	Bộ	2008	1	0%	1.990.000	-			x	hư hỏng
23	Camera dùng với kính hiển vi	Cái	2008	2	0%	7.500.000					hư hỏng
24	Micro	Cái	2008	20	0%	5.500.000	-		x		hư hỏng
25	Tạ ném 3 kg	Quả	2007	10	0%	350.000	-		x		Không sử dụng
26	Tạ ném 5 kg	Quả	2007	10	0%	350.000	-		x		Không sử dụng
27	Thước 1m (T10)	Cái	2006	2	0%	64.000	-			x	Đứt
28	VOM kim	Cái	2008	6	0%	2.760.000	-		x		Hư hỏng
29	Bảng phân loại thực hành Mendeleev (simili)	Tấm	2006	2	0%	126.000	-			x	Hư hỏng
30	Bát sứ nung	Cái	2006	10	0%	43.000	-			x	Bể
31	Bình rửa khí	Cái	2006	9	0%	373.500	-			x	Bể
32	Bộ giá thí nghiệm	Bộ	2007	12	0%	1.200.000	-			x	Mục
33	Bộ giá thí nghiệm	Bộ	2007	20	0%	2.000.000	-			x	Mục
34	Cốc nhựa (bộ lớp 12)	Bộ	2006	10	0%	170.000	-			x	Bể
35	Cối chày sứ	Cái	2007	12	0%	90.000	-			x	Bể
36	Đèn cồn	Cái		6	0%	-	-			x	Bể
37	Đèn cồn thí nghiệm	Cái	2006	3	0%	15.000	-			x	Bể
38	Dụng cụ thí nghiệm thử tính dẫn điện (cỡ lớn)	Cái	2007	12	0%	180.000	-			x	Hư hỏng
39	Giá để thiết bị (TG)	Cái	2007	1	0%	1.540.000	-			x	Gãy
40	Kẹp gấp	Cái		2	0%	-	-			x	Gãy
41	Kẹp mo	Cái	2006	10	0%	50.000	-			x	Gãy
42	Kẹp mo (H10)	Cái	2007	10	0%	37.000	-			x	Gãy
43	Kẹp ống nghiệm	Cái	2007	12	0%	36.000	-			x	Gãy
44	Khay men	Cái		2	0%	-	-			x	Bể

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
45	Kính lúp d=60	Cái	2006	2	0%	16.000	-			x	Bể
46	Máy đo PH kế	Cái	2006	10	0%	9.880.000	-			x	Hư hỏng
47	Panh (CN10)	Cái	2006	2	0%	12.000	-			x	Hư hỏng
48	Vợt bắt côn trùng (CN10)	Cái	2006	1	0%	28.800	-			x	Gãy
49	Bộ đồ mô sinh 11	Bộ	2007	12	0%	648.000	-			x	Gãy
50	Bộ dụng cụ giảm chiết cành - sinh 11	Bộ	2007	12	0%	546.000	-			x	Gãy
51	Bộ tranh công nghệ 10 (5 tờ)	Bộ	2006	2	0%	55.000	-			x	Rách
52	Bộ tranh công nghệ 11 (8tờ/ Bộ)	Bộ	2007	2	0%	112.800	-			x	Rách
53	Bộ tranh Công nghệ L12 (3 tờ/bộ)	Bộ	2008	2	0%	91.800	-			x	Rách
54	Bộ tranh sinh học (3 tờ)	Bộ	2006	3	0%	132.000	-			x	Rách
55	Bộ tranh sinh học 11 (4tờ/Bộ)	Bộ	2007	2	0%	75.200	-			x	Rách
56	Bộ tranh sinh học 11 (4tờ/Bộ)	Bộ	2007	2	0%	75.200	-			x	Rách
57	Bộ tranh Sinh L12 (12tờ/bộ)	Bộ	2008	2	0%	367.200	-			x	Rách
58	Bocan nhựa	Cái	2006	10	0%	466.000	-			x	Bể
59	Kéo cắt cành	Cái	2006	2	0%	55.600	-			x	Gãy
60	Mạch điện nối tải 3 pha (CN12)	Bộ	2008	2	0%	1.000.000	-			x	Hư hỏng
61	Bộ ba lò xo (3 lò xo/1 bộ)	Bộ	2006	2	0%	36.600	-			x	Hư hỏng
62	Bộ thí nghiệm mao dẫn (GV)	Bộ	2006	2	0%	64.000	-			x	Hư hỏng
63	Bộ thí nghiệm về máy quang phổ (L12)	Bộ	2008	2	0%	1.010.000	-			x	Hư hỏng
64	Bộ thí nghiệm về sóng dừng (L12)	Bộ	2008	2	0%	620.000	-			x	Hư hỏng
65	Chân hình chữ U	Cái	2006	5	0%	105.000	-			x	Hư hỏng
66	Chân hình chữ U	Cái	2006	5	0%	105.000	-			x	Hư hỏng
67	Chốt (bộ/4)	Bộ	2006	2	0%	8.000	-			x	Gãy
68	Cổng quang điện 44	Cái	2006	9	0%	373.500	-			x	Hư hỏng

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
69	Cổng quang điện 76	Cái	2006	7	0%	318.500	-			x	Hư hỏng
70	Cổng quang điện 76	Cái	2006	10	0%	455.000	-			x	Hư hỏng
71	Dây nối L12 (bộ/20cái)	Bộ	2008	15	0%	1.450.500	-			x	Hư hỏng
72	Đế giá 3 chân	Cái		4	0%	0	-			x	Hư hỏng
73	Đĩa moment	Cái	2006	2	0%	106.800	-			x	Hư hỏng
74	Máy caseete Sony	Cái	2001	1	0%	1.200.000	-		x		Hư hỏng
75	Ống nghiệm chữ V	Cái		1	0%	0	-			x	Bể
76	Ống thí nghiệm rơi tự do	Cái		2	0%	0	-			x	Bể
77	Tụ điện xoay chiều 20HF	Cái		10	0%	0	-			x	Hư hỏng
78	Tụ điện xoay chiều 50MF	Cái		10	0%	0	-			x	Hư hỏng
79	Tuocnovit dẹp	Cái		1	0%	0	-			x	Gãy
80	Tuocnovit pake	Cái		1	0%	0	-			x	Gãy
	Cộng V					57.660.480	0				
	Tổng cộng A (I-V)			847		464.127.039	1.613.801				
	B. Tài sản quản trị										
	I. Khoa Công Nghệ May - Thời Trang										
1	Bàn vi tính giáo viên	Cái	2007	1	3%	1.450.000	43.500			x	Hư, không sử dụng được
2	Tủ kệ gỗ có kính	Cái		1	2%	700.000	14.000			x	
	Cộng I					2.150.000	57.500				
	II. Khoa Công nghệ Thông tin										
1	Bàn vi tính đôi	Cái	2004	4	0%	3.000.000	-			x	
2	Bàn vi tính đôi	Cái	2005	4	0%	3.520.000	-			x	
3	Ghế đầu chân sắt mặt gỗ	Cái	2005	40	0%	2.800.000	-			x	
4	Quạt trần đảo	Cái	2008	6	1%	1.530.000	15.300		x		

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
5	Quạt treo tường	Cái	2010	1	3%	270.000	8.100		X		Hư hỏng không sửa chữa được
6	Quạt treo tường	Cái	2011	2	2%	700.000	14.000		X		
7	Quạt treo tường	Cái	2013	1	3%	450.000	13.500		X		
8	Quạt treo tường	Cái	2013	2	1%	900.000	9.000		X		
9	Quạt treo tường Senko	Cái	2010	3	2%	720.000	14.400		X		
	Cộng II					13.890.000	74.300				
	III. Phòng Kế hoạch - Tài chính										
1	Bàn vi tính	Cái	1996	1	0%	998.000	-			X	Hư hỏng không sửa chữa được
2	Bảng mica trắng	Cái	2000	1	0%	825.000	-			X	
3	Quạt hút gió	Cái		2	1%	320.000	3.200		X		
4	Quạt treo tường	Cái	1999	1	0%	148.000	-			X	
	Cộng III					2.291.000	3.200				
	IV. Phòng Quản trị - Dịch vụ										
1	Bàn ghế (vẽ KT)	Cái	2009	15	0%	22.500.000	-			X	Hư hỏng không sửa chữa được
2	Bàn ghế giáo viên	Bộ	2003	4	0%	3.400.000	-			X	
3	Bàn ghế giáo viên	Bộ	2003	4	0%	3.400.000	-			X	
4	Bàn giáo viên	Cái	2009	12	0%	19.800.000	-			X	
5	Bàn giáo viên khung sắt mặt gỗ ghép CN	Bộ	2004	6	0%	5.922.000	-		X		
6	Bàn học sinh liền ghế chân gỗ	Bộ	2000	40	0%	19.580.000	-			X	
7	Bàn hình thang 1 chỗ ngồi	Cái	2007	30	0%	16.500.000	-			X	
8	Bàn hình thang 1 chỗ ngồi	Bộ	2007	50	0%	27.500.000	-			X	
9	Bàn hình thang 1 chỗ ngồi	Bộ	2007	15	0%	8.250.000	-			X	
10	Bàn gỗ thực tập xưởng	Cái	1996	8	0%	11.368.000	-			X	
11	Bàn gỗ Salon mặt kính	Cái		1	0%	500.000	-			X	
12	Bộ bàn ghế salon nệm đen	Bộ	1995	1	0%	4.100.000	-			X	

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
13	Bảng Mica kiếng tủ TB	Cái	2007	1	0%	1.584.000	-			X	
14	Bảng mica trắng	Cái	2000	1	0%	814.000	-			X	
15	Bảng từ	Cái	2007	1	0%	1.760.000	-			X	
16	Bảng từ	Cái	2009	9	0%	23.400.000	-			X	
17	Điện thoại bàn	Cái	2007	1	0%	450.000	-		X		Hư hỏng không sửa chữa được
18	Điện thoại bàn mẹ bông con	Cái	2008	2	0%	3.900.000	-		X		
19	Ghế dựa lớn (nhựa)	Cái	2011	150	0%	10.799.250	-			X	
20	Ghế tựa gỗ	Cái	2003	25	0%	8.800.000	-			X	
21	Kệ 3 tầng 50x80 bánh xe	Cái	2005	1	0%	835.000	-			X	
22	Kệ sách	Cái	2006	1	0%	360.000	-			X	
23	Kệ sách đa năng 4 ngăn, 5 tầng	Cái	2003	2	0%	2.950.000	-			X	
24	Quạt thông gió	Cái	2007	2	0%	2.530.000	-		X		
25	Quạt trần	Cái	2006	7	0%	2.695.000	-		X		
26	Quạt trần	Cái	2007	19	0%	8.930.000	-		X		
27	Quạt trần đảo	Cái	2008	3	0%	765.000	-		X		
28	Quạt trần đảo	Cái	2010	34	0%	13.498.000	-		X		
29	Quạt trần đảo 2 chiều	Cái	2013	2	0%	700.000	-		X		
30	Quạt trần đảo 2 chiều	Cái	2013	1	0%	350.000	-		X		
31	Quạt trần đảo P400	Cái	2011	28	0%	11.480.000	-		X		
32	Quạt trần đảo P400	Cái	2012	4	0%	1.800.000	-		X		
33	Quạt trần Mỹ Phong	Cái	2005	1	0%	368.000	-		X		
34	Quạt treo tường	Cái	2007	23	0%	4.094.000	-		X		
35	Quạt treo tường	Cái	2008	2	0%	310.000	-		X		
36	Quạt treo tường	Cái	2013	9	0%	4.050.000	-		X		
37	Quạt treo tường	Cái	2010	6	0%	1.560.000	-		X		

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
38	Quạt treo tường	Cái	2008	1	0%	155.000	-		X		Hư hỏng không sửa chữa được
39	Bàn gỗ Oval	Cái	2001	1	0%	2.145.000	-			X	
40	Bàn làm việc VT Melimin	Cái	2000	1	0%	605.000	-			X	
41	Bàn thí nghiệm Hóa - Sinh GV	Cái	2007	1	0%	1.650.000	-			X	
42	Bàn thí nghiệm Hóa - Sinh HS	Cái	2007	20	0%	27.600.000	-			X	
43	Bàn thí nghiệm Lý GV	Cái	2007	1	0%	910.000	-			X	
44	Bàn thí nghiệm Lý HS	Cái	2007	21	0%	16.800.000	-			X	
45	Bàn thu ngân	Cái	2002	1	0%	1.045.000	-			X	
46	Bàn vi tính	Cái	1996	1	0%	998.000	-			X	
47	Bàn vi tính đôi	Cái	2004	1	0%	750.000	-			X	
48	Bàn vi tính melimin	Cái	1999	2	0%	1.353.000	-			X	
49	Bảng dạy học mica trắng (bảng từ)	Cái	2003	1	0%	1.795.500	-			X	
50	Bảng HQ xanh khung nhôm chuyên dụng	Cái	2003	1	0%	1.634.125	-		X		
51	Bảng mica trắng	Cái	2001	2	0%	990.000	-			X	
52	Bảng mica trắng	Cái	2000	4	0%	1.672.000	-			X	
53	Bảng mica trắng	Cái	2001	2	0%	990.000	-			X	
54	Bảng mica trắng	Cái	2000	3	0%	2.475.000	-			X	
55	Bảng mica trắng	Cái	2009	2	0%	1.800.000	-			X	
56	Bảng mica trắng	Cái	2009	2	0%	3.000.000	-			X	
57	Bảng phần từ	Cái	2007	2	0%	3.710.000	-			X	
58	Bảng phần từ	Cái	2010	1	0%	2.661.000	-			X	
59	Bảng phần từ	Cái	2008	1	0%	2.395.000	-			X	
60	Bảng phần từ nhôm hộp	Cái	2005	3	0%	4.128.000	-			X	
61	Bảng phần từ chân di động	Cái	2009	1	0%	2.698.000	-			X	
62	Bảng từ	Cái	2004	2	0%	3.150.000	-			X	



Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
63	Bảng từ	Cái	2005	10	0%	18.000.000	-			X	Hư hỏng không sửa chữa được
64	Bảng từ	Cái	2005	2	0%	3.600.000	-			X	
65	Bảng từ	Cái	2005	4	0%	7.200.000	-			X	
66	Bình khí CO 2	Bình		1	0%	600.000	-		X		
67	Bộ âm thanh phòng học	bộ	2010	2	0%	2.900.000	-		X		
68	Bồn chậu sứ	Cái	2010	1	0%	500.000	-			X	
69	Bồn rửa đôi	Cái	2007	1	0%	1.200.000	-			X	
70	Bồn rửa đôi	Cái	2008	1	0%	1.350.001	-			X	
71	Bồn rửa đôi Inox chân sắt	Cái	2013	1	0%	2.139.500	-		X		
72	Bồn rửa đơn	Cái	2007	1	0%	650.000	-			X	
73	Bồn rửa đơn Inox chân sắt	Cái	2013	1	0%	1.762.100	-		X		
74	Ghế	Cái	2008	100	0%	1.300.000	-			X	
75	Ghế (nhựa)	Cái	2011	500	0%	17.600.000	-			X	
76	Ghế đầu chân sắt mặt gỗ	Cái	2006	42	0%	3.570.000	-		X		
77	Ghế dựa chân sắt	Cái	2010	1	0%	233.000	-		X		
78	Ghế thí nghiệm (0,4x0,4x0,9)	Cái	2013	50	0%	8.250.000	-			X	
79	Ghế thí nghiệm Hóa - Sinh	Cái	2007	51	0%	7.650.000	-			X	
80	Ghế tựa bọc nệm đỏ	Cái		10	0%	1.800.000	-			X	
81	Giá treo tranh 15 móc	Cái	2008	2	0%	830.000	-			X	
82	Giá trống	Cái	2007	1	0%	350.000	-			X	
83	Kệ để thiết bị	Cái	2008	2	0%	7.246.000	-			X	
84	Kệ để thiết bị (1,82x0,4x1,77)	Cái	2013	2	0%	6.860.000	-			X	
85	Kệ sắt mặt ván để hồ sơ	Cái	2005	2	0%	2.993.000	-		X		
86	Quạt bàn Asia	Cái	2010	6	0%	2.100.000	-		X		
87	Quạt trần	Cái	2002	15	0%	5.250.000	-		X		

Số TT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Năm đưa vào SD	Số lượng	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán		Đề nghị xử lý			Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị CL	Điều chuyển	Bán thanh lý	Hủy	
88	Quạt trần	Cái	2004	5	0%	1.575.000	-		X		
89	Quạt trần	Cái	2004	3	0%	945.000	-		X		
90	Quạt trần	Cái	2005	2	0%	730.000	-		X		
91	Quạt trần	Cái	2005	6	0%	2.190.000	-		X		
92	Trống trường	Cái	2007	1	0%	800.000	-			X	Hư hỏng không sửa chữa được
93	Tủ Hotte	Cái	2007	1	0%	800.000	-			X	
94	Tủ kính	Cái	2010	1	0%	2.000.000	-			X	
95	Tủ kính đựng hồ sơ	Cái	2003	1	0%	1.400.000	-			X	
96	Tủ kính khung nhôm 5 tầng	Cái	2001	2	0%	3.060.000	-		X		
97	Xe đẩy hàng	Cái	2007	1	0%	1.150.000	-		X		
	Cộng IV					459.295.476	-				
	TỔNG CỘNG B (I-IV)			1501		477.626.476	135.000				
	CỘNG (A + B)					941.753.515	1.748.801				

TP.HCM, ngày 25 tháng 8 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

TP. KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

TP. QUẢN TRỊ - DỊCH VỤ

TP. THIẾT BỊ - VẬT TƯ



Phạm Hữu Lộc

Nguyễn Kinh

hiệu trưởng

Lâm Việt Dũng

